

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN PHONG ĐIỀN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06/8/2020
V/v: Xin ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tô Phạm Tuyết Nghiêm

2. Bà Nguyễn Thị Bích Liên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Văn Ban, là cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ, xét xử công khai vụ án thụ lý số 77/2020/TLST-HNGĐ ngày 18/5/2020 về việc “xin ly hôn và nuôi con chung”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43A/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Trương Quốc Ph, sinh năm: 1981

HKTT: *ấp T. T, xã TrL, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ*

Bị đơn: bà Phan Thị Lệ M, sinh năm: 1982

HKTT: *ấp Tr.T, xã TrL, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.*

(ông Ph có mặt, bà M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/02/2020, nội dung bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn g trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa: ông Trương Quốc Ph và bà Phan Thị L M xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr.L, huyện Ph.Đ, thành phố Cần Thơ vào ngày 26/8/2009. Thời gian đầu sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc có 02 con chung. Tuy nhiên thời gian sau cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến và không tự giải quyết được nên ông bà đã sống ly thân. Vì thời gian ly thân đã lâu (năm 2015) đến nay nên ông Ph yêu cầu ly hôn với bà M.

- Về con chung: có 02 con chung tên Trương Thị A.Th (nữ), sinh ngày 06/12/2006; Trương D.A (nam), sinh ngày 02/3/2011. Khi ly hôn ông Ph yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, vì từ khi hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay thì hai con do ông Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Ph không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: không có

Phía bị đơn bà Phan Thị Lệ M: Trong quá trình giải quyết Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà M đến Tòa án để bà M trình bày quan điểm của bà và hòa giải đối với yêu cầu xin ly hôn của ông Ph nhưng bà M vắng mặt không lý do nên vụ việc không tiến hành hòa giải được.

Vụ án được đưa ra xét xử. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà M tuy bà M không trực tiếp nhận nhưng có người thân của bà M là cha ruột Phan V. L nhận thay và cam kết giao lại để bà M tham gia phiên tòa nhưng bà M vẫn vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Trương Quốc Ph vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với bị đơn Phan Thị L. M nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Trương Quốc Ph và bà Phan Thị Lệ M tiến tới hôn nhân năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr L, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ nên Hội đồng xét xử xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay ông Ph có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Bà M có đăng ký thường trú tại ấp TrTh, xã Tr L, huyện Phong Điền thuộc thẩm quyền giải quyết nên Tòa án nhân dân huyện Phong Điền thụ lý theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài ra bà Minh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Do không ghi nhận được ý kiến của bà M nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của ông Ph cùng cấp xác định: Ông Ph và bà M tự nguyện tiến tới hôn nhân, thời gian đầu ông, bà chung sống với

nhau hạnh phúc có 02 con chung. Sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến mâu thuẫn kéo dài và không thể hàn gắn được, hiện ông bà đã ly thân khoảng 05 năm. Do tình trạng hôn nhân của ông Ph và bà M đã mâu thuẫn và ngày càng trở nên trầm trọng, đã sống ly thân một thời gian dài, bà M không quan tâm đến các con. Sau khi nhận được hồ sơ xin ly hôn của nguyên đơn, Tòa án đã tạo điều kiện các bên hòa giải nhưng bị đơn không đến tham sự các phiên hòa giải chứng tỏ rằng bị đơn không còn tha thiết gì về cuộc hôn nhân này. Ông Ph đã xác định không còn tình cảm với bà M. Xét quan hệ vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống, yêu thương, quan tâm nhau nhưng tình trạng hôn nhân của ông Ph và bà M không thể tiếp tục duy trì đời sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có cơ sở.

[3] Về con chung: Theo các tài liệu, chứng cứ mà bà Nhung cung cấp thì ông, bà có 02 con chung tên Trương Thị Anh Th (nữ), sinh ngày 06/12/2006; Trương D. A (nam), sinh ngày 02/3/2011. Nay ông Ph yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con. Do trong thời gian sống ly thân 02 cháu sống với ông Ph yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu. Do đó, để tiếp tục ổn định cuộc sống cho 02 cháu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi 02 con chung của nguyên đơn. Do nguyên đơn không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn xác định không có. Do không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về các vấn đề này nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228. Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trương Quốc Ph

1. *Về quan hệ hôn nhân*: cho ông Trương Quốc Ph được ly hôn với bà Phan Thị Lệ M (giấy chứng nhận kết hôn số 209/2009, quyển số I do Ủy ban nhân dân xã Tr L, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ cấp ngày 26/8/2009)

2. *Về con chung*: Giao 02 cháu tên Trương Thị A. Th (nữ), sinh ngày 06/12/2006; Trương D. A (nam), sinh ngày 02/3/2011 cho nguyên đơn Trương Quốc Phòng trực tiếp nuôi dưỡng, ông Phòng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà M, không ai có quyền ngăn cản.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

4. *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: ông Trương Quốc Ph nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số AB/2016/017409 ngày 15/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Điền thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. Phong Điền;
- THA H. Phong Điền;
- UBND xã **Trường Long**;
- Lưu HS (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Mỹ Xuân

Tô Phạm Tuyết Nghiêm

Nguyễn Thị Bích Liên

Hồ Mỹ Xuân